

Thế giới đang chứng minh Martin Luther King đã đúng về phi bạo lực như thế nào

Erica Chenoweth và Maria J. Stephan. 18 tháng 1 năm 2016.



Nhà hoạt động người Yemen Tawakkol Karman (bên phải, khăn trắng) được trao giải Nobel Hòa Bình do những hoạt động phi bạo lực vì quyền của phụ nữ.

Ảnh do SudarsanRaghavan gửi.

“Tôi rời Ấn Độ tin tưởng hơn bao giờ hết rằng phản kháng phi bạo lực là vũ khí mạnh mẽ nhất của những người bị áp bức trong cuộc tranh đấu vì tự do” – “Tiểu sử của Martin Luther King Jr.,” Clayborne Carson biên soạn.

Kể từ năm 2011, đã có nhiều xung đột sâu sắc diễn ra trên thế giới. Nhưng dù những cuộc nổi dậy có vũ trang bùng phát ở Trung Đông, vùng Sahel, và Nam Á, xung đột dân sự bạo lực không còn là cách chính để người dân tìm cách giải quyết bất bình. Thay vào đó, từ Tunis

đến quảng trường Tahrir, từ công viên Zuccotti đến Ferguson, từ Burkina Faso đến Hồng Kông, các phong trào trên toàn cầu đã rút ra những bài học từ Mahatma Gandhi, Martin Luther King và các nhà hoạt động hàng ngày ở trong nước hay nước ngoài để thúc đẩy thay đổi.

Trọng tâm của Gandhi và King về phản kháng phi bạo lực- trong đó người dân không vũ trang dùng một loạt các chiến thuật nhịp nhàng như đình công, biểu tình, tẩy chay hay [các hành động khác](#) để đương đầu với đối phương – gặp không ít [phê phán](#). Có những phê phán là do hiểu nhầm về phản kháng dân sự, trong khi những phê phán khác nghi ngờ khả năng người dân không vũ trang và bị áp chế có thể tổ chức lại và thách thức đối phương đầy quyền lực. Mỗi phong trào mới đều gặp phải từng ấy thách thức, bao gồm vấn đề hiệu quả của hành động phi bạo lực khi đối diện với rào cản của quyền lực và sự áp bức có hệ thống. Năm 2011, chúng tôi xuất bản [một cuốn sách](#) khám phá những vấn đề này và vô tình phát hiện được rằng con số các chiến dịch phi bạo lực đã thành công là gấp đôi so với các chiến dịch bạo lực với cùng mục tiêu loại bỏ nhà lãnh đạo đất nước đương nhiệm hay giành được độc lập lãnh thổ.

Với nhiều người, kết luận này có vẻ ngây thơ. Nhưng khi tìm hiểu kỹ dữ liệu, chúng tôi thấy rằng các chiến dịch phản kháng phi bạo lực không thắng bằng cách làm tan chảy trái tim đối phương. Thay vào đó, các chiến dịch này thường thành công vì các biện pháp phi bạo lực có tiềm năng lớn trong việc huy động sự tham gia rộng rãi của người dân. Trung bình, họ huy động được người tham gia gấp 11 lần so với các cuộc nổi dậy vũ trang, và đây cũng là nguồn chuyển đổi quyền lực chính trong chế độ đối lập. Việc huy động rộng rãi người dân từ nhiều bộ phận trong xã hội tham gia có thể truyền sức mạnh và tranh thủ được những người cải tổ trong khi cắt bỏ được các nguồn lực ủng hộ những người bảo thủ. Khi sự tham gia này là phi bạo lực, nó làm tăng cơ hội lôi kéo những người giữ vị trí lãnh đạo khỏi sự ủng hộ chế độ, cho phép lực lượng an ninh, giới tinh hoa kinh tế và hành chính dân sự chuyển hóa lòng trung thành mà dờ lo sợ một cuộc trả thù đẫm máu.

Nói cách khác, chúng tôi thấy rằng phản kháng phi bạo lực có hiệu quả không chỉ vì tiềm năng chuyển đổi của nó mà hơn thế, vì tính sáng tạo, cộng tác và cưỡng chế – [một lý thuyết](#)

[mà Gene Sharp](#), nhà sáng lập Viện Albert Einstein đã xác lập nhiều thập kỷ trước. Đương nhiên không phải mọi chiến dịch phi bạo lực đều thành công. Nhưng trong những trường hợp chiến dịch phi bạo lực thất bại, không một bằng chứng có hệ thống nào cho thấy việc nổi dậy bằng bạo lực lại tốt hơn.

Đó là câu chuyện của năm 2011. Còn hiện giờ là năm 2016. Chúng ta đã học thêm được gì về phản kháng phi bạo lực trong 5 năm qua? Dưới đây chúng tôi xin đưa ra một vài nhận định dựa trên thực tế từ lĩnh vực khoa học chính trị, trong đó có những điều đáng ngạc nhiên đối với những ai còn hoài nghi về hành động phi bạo lực.

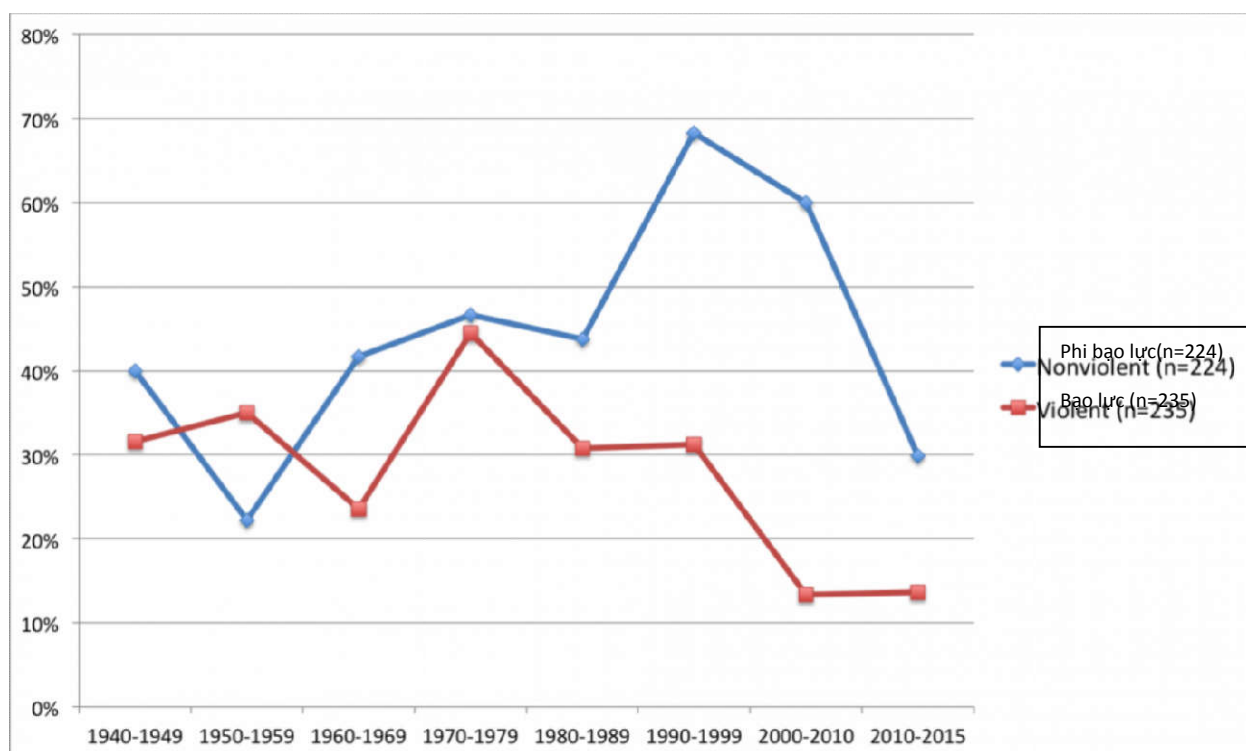
1. Các chiến dịch phi bạo lực ngày càng phổ biến

Nếu bạn cảm thấy chúng ta đang sống trong một giai đoạn đặc biệt đầy biến đổi đột ngột của lịch sử, bạn đã đúng. Nhưng *kiểu* biến động của thời đại chúng ta là độc nhất. Dự án [Major Episodes of Contention](#) (Những Giai đoạn Chính của Sự xung đột – một dự án dữ liệu của Giáo sư Erica Chenoweth tại Đại học Denver) gợi ý rằng các chiến dịch phản kháng phi bạo lực đã trở thành một dạng thức hoạt động gây rối phổ biến nhất trên toàn cầu. [Dự án dữ liệu NAVCO](#), một dự án riêng biệt thu thập dữ liệu bằng nhiều nguồn tài liệu và tiêu chuẩn lựa chọn, cho thấy xu hướng tương tự, cũng như nhiều bộ dữ liệu về biểu tình phản đối khác. Trong khi tần suất của các cuộc nổi dậy bạo lực – định nghĩa bằng giới hạn 1,000 thương vong – đã giảm từ thập kỷ 1970, các chiến dịch dựa chủ yếu vào phản kháng phi bạo lực đã tăng chóng mặt. Lưu ý rằng những con số này chỉ áp dụng cho các chiến dịch của những người muốn đạt mục tiêu tối đa, tức là mục tiêu xóa bỏ lãnh đạo quốc gia đương nhiệm hoặc tạo ra độc lập lãnh thổ thông qua ly khai hoặc đuổi quân đội nước ngoài chiếm đóng hay giải trừ chế độ thuộc địa.

Chỉ trong năm năm đầu của thập kỷ này, chúng ta đã chứng kiến nhiều chiến dịch phi bạo lực hơn trong toàn bộ thập kỷ 1990, và gần như nhiều bằng số chiến dịch quan sát được trong những năm 2000. Thập kỷ này đang trở thành thập kỷ nhiều xung đột nhất được ghi lại.

2. Mặc dù diễn ra phổ biến hơn, tỷ lệ chiến dịch phản kháng phi bạo lực thành công tuyệt đối giảm xuống

Với đường tăng dốc đứng của các chiến dịch phi bạo lực, chúng ta cũng chứng kiến một sự đột biến khác. Tỷ lệ phản kháng phi bạo lực thành công đạt đỉnh vào những năm 1990, nhưng thập kỷ này chứng kiến việc giảm đáng kể trong tỷ lệ thành công của phản kháng phi bạo lực.



Có một số lý do cho việc giảm tỷ lệ thành công. Thứ nhất, nhà nước bên đối lập có thể đã học được và thích nghi được với những thách thức từ bên dưới. Nhiều thập kỷ trước, họ có thể từng xem nhẹ tiềm năng của quyền lực nhân dân có thể tạo ra mối đe dọa đáng kể tới sự cai trị của họ, nhưng giờ đây họ đã nhận ra các chiến dịch phi bạo lực diện rộng là thực sự đáng lo ngại, và dành nhiều nguồn lực hơn để ngăn chặn – có thể do những gợi ý của Bruce Bueno de Mesquita và Alastair Smith trong cuốn sách *“Dictator’s Handbook”* (“Sổ tay của Nhà độc tài”) – hoặc do họ dùng những cách “áp chế thông minh” để phá vỡ những chiến dịch này ngay từ khi mới nảy sinh. Hiện tượng thích nghi này, còn được Steven Heydemann,

giáo sư được quỹ Ketcham tài trợ về Trung Đông học tại Smith College, gọi là “[chủ nghĩa chuyên chế 2.0](#)”, là trọng tâm của dự án “[Tương lai của chủ nghĩa chuyên chế](#)” ở Atlantic Council.

Thứ hai, các nhà hoạt động dùng phương thức hành động phi bạo lực có thể học nhằm bài học từ các đồng nghiệp đương thời trên toàn cầu. Ví dụ, từ tin tức đưa về các cuộc biểu tình và đình công lớn ở Tunisia năm 2019 và 2011, người ta có thể vội vàng cho rằng, ba tuần biểu tình đủ để đánh bật một nhà độc tài. Cách hiểu như vậy hoàn toàn bỏ qua một thực tế là Tunisia đã có một lịch sử đương đại độc đáo về các hoạt động lao động có tổ chức một cách mạnh mẽ, sau đó phong trào lao động đã chuyển sang ủng hộ bên nổi dậy, và rằng nhìn chung các cuộc đình công đe dọa làm tê liệt kinh tế Tunisia, rằng giới tinh hoa kinh tế và kinh doanh bắt đầu rút bỏ sự ủng hộ đối với Tổng thống Zine el-Abidine Ben Ali cũng như giới an ninh đã làm ngơ trước mệnh lệnh oanh tạc người biểu tình bằng vũ khí tự động.

Các nhà hoạt động có thể được truyền cảm hứng một cách tự nhiên từ những người khác trong những hoàn cảnh tương tự, nhưng điều này thường dẫn đến thất bại. Ví dụ, [Kurt Weyland của Đại học Texas chỉ ra rằng](#) trong trào lưu toàn cầu của những cuộc cách mạng bạo lực nhất năm 1848, những người bất đồng chính kiến đã muốn lặp lại chiến lược của cuộc nổi dậy đầu tiên chống vua Pháp, nhưng rồi lại bị bên bảo hoàng chặn đứng bởi họ đã được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn, có nhiều nguồn lực hơn và tất nhiên là thuộc kiểu đối phương không giống hoàng gia Pháp. Vì gia nhập trào lưu sau, bên hoàng gia Pháp đã dự đoán được động thái của những người cách mạng, từ đó dè bẹp những cuộc nổi dậy và chia rẽ phe đối lập theo cách họ muốn. Chúng ta có thể thấy những diễn biến tương tự ngày nay, đặc biệt trong những giai đoạn sau của các cuộc nổi dậy theo [trào lưu khu vực](#).

3. Dù vậy, tin hay không, các chiến dịch phi bạo lực vẫn đang thành công hơn so với các chiến dịch bạo lực

Xét trên tỷ lệ thành công tuyệt đối, các chiến dịch bạo lực có kết quả tồi hơn nhiều so với các chiến dịch phi bạo lực kể từ 1960. Thực tế là, tổng hợp lại, từ năm 1900 đến 2015, các

chiến dịch phi bạo lực thành công được 51%, trong khi chiến dịch bạo lực chỉ thành công 27%. Đến nay trong thập kỷ này, 30% chiến dịch phi bạo lực đã thành công, trong khi 12% chiến dịch bạo lực thành công – nghĩa là trong thực tế, khoảng cách thành công giữa hai loại này hiện còn cao hơn trung bình.

4. Các nhóm bạo lực thường bất lợi so với các phong trào phi bạo lực rộng rãi

Một trong các chủ đề nóng kể từ 2011 là vấn đề liệu áp dụng một chút bạo lực trong một chiến dịch chủ yếu phi vũ trang sẽ có ích hay có hại cho một chiến dịch phi bạo lực. Vấn đề này thường được đặt ra trong tranh luận về “đa dạng hóa chiến thuật” ở Hoa Kỳ. Nhưng câu hỏi lựa chọn phi bạo lực, bạo lực hay kết hợp các phương pháp đấu tranh là vấn đề chung ở nhiều phong trào mong muốn tạo ra thay đổi lớn trên toàn thế giới. Bất kể vô số lập luận, dù chống hay thuận, của những nhà quan sát, của những người thông thạo hay các nhà hoạt động, cho tới gần đây vẫn có quá ít đánh giá thực nghiệm nghiêm túc về vấn đề này.

Trong một [bài viết gần đây có tựa đề “Mobilization”](#) (“Huy động”), Chenoweth and Kurt Schock ở Đại học Rutgers dùng dữ liệu so sánh để nghiên cứu việc áp dụng bạo lực một cách hạn chế. Họ phát hiện ra rằng các nhóm bạo lực có thể đạt được một vài mục tiêu ngắn hạn mang tính *quá trình* như gây chú ý trên truyền thông, tạo nhận thức về tự vệ, việc lan tỏa một văn hóa đối lập giúp tạo dựng sự gắn kết thêm nhiều thành viên cấp tiến, hoặc sự phấn chấn mạnh tính “xả bức xúc”. Nhưng về cơ bản, các nhóm bạo lực thường làm xói mòn các mục tiêu chiến lược dài hạn, ví dụ như việc duy trì một cơ sở tham gia lớn mạnh và đa dạng dần lên, tranh thủ sự ủng hộ của các bên thứ ba và đạt được sự chuyển hóa lòng trung thành trong lực lượng an ninh. Hai nhà nghiên cứu trên đã tìm thấy bằng chứng tương quan giữa các nhóm bạo lực và tỷ lệ tham gia thấp và tính đồng nhất trong việc tham gia của người dân, một đặc điểm làm hao mòn ưu thế chính của việc vận dụng phản kháng phi bạo lực ngay từ đầu. Một nghiên cứu khác [có phát hiện tương tự](#) cho thấy các nhóm bạo lực thường có xu hướng làm tăng sự đàn áp của chính quyền, điều này có xu hướng liên quan đến việc làm giảm tỷ lệ tham gia. Như vậy, nhìn chung, các nhóm bạo lực nhất định không thể giúp các chiến dịch phi bạo lực thành công. Omar Wasow của Đại học Princeton đưa [thêm bằng chứng](#) về hiệu ứng chính trị của các cuộc biểu tình phi bạo lực so với biểu tình

khuyh hướng “bạo lực”. Dùng dữ liệu về các cuộc biểu tình phản đối ở đô thị của người Mỹ da đen trong thập kỷ 1960, Wasow chỉ ra một cách thuyết phục rằng một tần suất biểu tình theo hướng phi bạo lực cao hơn dẫn đến sự gia tăng ủng hộ với “dân quyền” như là vấn đề công chúng quan tâm hàng đầu ở Hoa Kỳ, trong khi tần suất biểu tình theo hướng bạo lực cao hơn dẫn đến việc tăng sự ủng hộ để “luật pháp và trật tự” trở thành vấn đề căn bản thời bấy giờ. Sau năm 1965, khi các cuộc biểu tình phản đối bạo lực trở nên thường xuyên hơn, công luận đã chuyển đổi từ ủng hộ dân quyền thành ủng hộ việc đáp trả của cảnh sát, cho thấy phong trào đã ngừng mở rộng sức hút trong các trụ cột ủng hộ thế nào. Đáng chú ý là công luận quan trọng không chỉ trong ngắn hạn mà cả trong dài hạn: Wasow phát hiện rằng sự ủng hộ “luật pháp và trật tự” có liên quan cao tới việc bỏ phiếu cho các lãnh đạo đảng Cộng hòa, gợi ý rằng các hình thức phản kháng khác nhau có hiệu ứng chính trị lâu dài ở Hoa Kỳ.

5. Các xung đột phi bạo lực ngày càng khó đoán

Toàn bộ lĩnh vực xã hội học đã từ lâu quan tâm tới câu hỏi khi nào các phong trào xã hội hay phong trào phản đối xảy ra. Những người theo chủ nghĩa tối đa thường nhìn nhận chiến dịch phản kháng phi bạo lực là phải rất khác biệt: họ thường trông đợi một chuỗi hành động mang tính phối hợp và kịch tính gây gián đoạn cao, với mục đích căn bản là thay đổi trạng thái hiện hành ở cấp quốc gia. Các nghiên cứu đánh giá nguyên nhân của phản kháng phi bạo lực đã xác định nhiều mối tương quan với nó, chẳng hạn như với [mật độ của ngành sản xuất](#) (Butcher & Svensson 2014), các trạng thái [cảm xúc](#) (Pearlman 2013), [độ lân cận địa lý](#) (Gleditsch & Rivera 2015), và [lịch sử phản kháng](#) (Braithwaite, Braithwaite, & Kubik 2015).

Năm 2015, Chenoweth và Jay Ulfelder [đã đánh giá nhiều lý thuyết chung](#) về các cuộc nổi dậy lớn và phát hiện rằng hầu như không lý thuyết nào đoán trước được chính xác khi các chiến dịch phi bạo lực sẽ diễn ra. Không giống như các chiến dịch vũ trang, đảo chính hay sự sụp đổ của chính quyền – các học giả có thể đoán trước tương đối chính xác tất cả những sự việc này – các chiến dịch phi bạo lực diện rộng xảy ra ở hầu như mọi nơi vì bất kỳ lý do nào.

Chúng thường xảy ra ở những nơi mà **các học giả cho rằng rất khó huy động những người bất đồng**, chứ đừng nói là có thể huy động những người bất đồng một cách hiệu quả.

Chenoweth và Ulfelder kết luận rằng các phong trào quyền lực nhân dân đơn giản là tùy theo hoàn cảnh và ngẫu nhiên đến mức các công cụ dự báo điển hình hay các cấu trúc dữ liệu gần như không thể xác định được nguyên nhân. Một cách khác để hiểu phát hiện này là những người tổ chức ra các cuộc nổi dậy phi bạo lực thường vượt qua các điều kiện không thuận lợi bằng những cách sáng tạo không ngờ, từ đó dẫn chúng ta đến điểm cuối cùng sau đây.

6. Việc đàn áp có thể thách thức mọi chiến dịch bất đồng nhưng không nhất thiết quyết định được lựa chọn hay kết quả của phản kháng phi bạo lực

Một luận điểm phổ biến về phản kháng phi bạo lực là nó có thể xảy ra và có thể thành công chừng nào mà đối phương còn chơi đẹp. Nhưng đến khi đối phương trút bỏ găng tay, phản kháng phi bạo lực là bất khả thi hoặc vô hiệu. Chúng tôi có đề cập đến lập luận này đôi chút trong cuốn sách năm 2011, nhưng một vài nghiên cứu gần đây hơn đã trả lời câu hỏi quan trọng này.

Về việc liệu đàn áp tàn bạo có ảnh hưởng lên khả năng phản kháng phi bạo lực, **Wendy Pearlman lập luận** trong cuốn sách xuất sắc do bà viết về phong trào độc lập của người Palestine rằng chỉ có đàn áp không thể là lý do duy nhất giải thích được vì sao phong trào đã chuyển từ phi bạo lực sang bạo lực. Bà đưa ra lý lẽ rằng, thực ra, việc đàn áp trong giai đoạn phi bạo lực của cuộc nổi dậy Intifada Thứ nhất cũng chỉ gay gắt như trong rất nhiều giai đoạn của phong trào bạo lực. Tuy nhiên, bà lập luận rằng, mức độ gắn kết có thể giải thích tốt nhất điểm ngoặt sang bạo lực. Khi phong trào có tầm nhìn chung, lãnh đạo có năng lực và những nguyên tắc rõ ràng, luật lệ chung nội bộ rõ ràng, phong trào có thể dựa vào phản kháng phi bạo lực bất kể sự đàn áp liên tiếp của chính phủ Israel. Các nhà nghiên cứu Jonathan Sutton, Charles Butcher và Isak Svensson **cũng đã chỉ ra** rằng kết cấu và tổ chức của phong trào là một yếu tố quyết định đến sự sống còn của chiến dịch khi đối mặt với sự đàn áp. Họ dùng dữ liệu định lượng để lập luận rằng khi chính quyền dùng bạo lực đơn phương hoặc thủ tiêu hàng loạt với những người biểu tình phi vũ trang, những người biểu

tình chỉ có thể duy trì một cách trường kỳ tới khi thành công khi họ là một phần của một chiến dịch có tổ chức và qui mô lớn hơn.

Tất nhiên, một số nghiên cứu cho thấy những hồ nghi về khả năng phe đối lập phi bạo lực có thể chiến đấu lại được với các chế độ đàn áp phức tạp hơn – đặc biệt là các chế độ có xu hướng tàn sát hay tham vọng thăng chức chính trị. [Bài viết](#) gần đây của Christopher Sullivan về việc triệt phá có hệ thống lực lượng đối lập cánh tả của lực lượng an ninh Guatemala từ năm 1975 đến 1985 là câu chuyện cảnh giác về độ phức tạp và quyết tâm của một số chế độ. Cũng như độ tàn khốc của các vụ thủ tiêu những người biểu tình phi bạo lực của chế độ Bashar al-Assad ở Syria sau các cuộc biểu tình ở Deraa vào tháng 3 năm 2011 – là một lời nhắc lạnh người vì sao các chiến dịch phi bạo lực rộng lớn thất bại cũng thường xuyên như là thành công.

Nhưng như đã nói ở trên, người ta khó có thể dự đoán khi nào một chính quyền áp chế có thể thúc ép được sự trung thành toàn diện của cấp dưới khi đối diện với một cuộc nổi dậy rộng lớn – ngay cả trong những trường hợp dường như bất khả thi như ở Syria. Thêm nữa, trong xuất bản sắp ra mắt, Lee [Smithey](#), [Lester Kurtz](#), và [cộng sự](#) phát hiện rằng việc đàn áp củachế độ lên người biểu tình phi vũ trang thường gây phản tác dụng, do việc này làm bùng phát những bất bình về đạo lý, tạo thêm nhiều sự tham gia, tạo ra sự ủng hộ của bên thứ ba với phong trào và tăng việc rời bỏ hàng ngũ củalực lượng an ninh. Thực tế là, những đợt đàn áp thường là nguyên nhân hơn là kết quả của một chiến dịch phi bạo lực. Việc sát hại Emmett Till là ấn tượng điển hình cho một giai đoạn bạo lực kinh khủng, cuối cùng làm phát sinh sự ủng hộ mạnh mẽ, sự cảm thông và tham gia phong trào Dân quyền ở Hoa Kỳ.

Trong ngày tưởng niệm Martin Luther King, chúng tôi mong muốn mang đến cho bạn đọc đoạn văn sâu sắc này của ông trích trong “Lá thư từ nhà giam Birmingham”. Toàn văn của lá thư bạn có thể tìm đọc ở [đây](#):

“Các bạn của tôi, tôi phải nói với các bạn rằng chúng ta chưa đạt được điều gì về dân quyền mà không có áp lực pháp lý và phi bạo lực rõ ràng. Đáng tiếc làm sao, một thực tế lịch sử là những nhóm có đặc quyền ít khi từ bỏ đặc quyền của họ một cách tự nguyện. Những cá

nhân có thể nhận ra đạo lý mà từ bỏ những gì họ có được một cách bất công; nhưng, như Reinhold Niebuhr đã nhắc nhở chúng ta, các nhóm thường vô đạo đức hơn là các cá nhân. Chúng ta biết qua những trải nghiệm đau thương rằng tự do không bao giờ được kẻ đàn áp tự nguyện trao lại; tự do phải là do những người bị đàn áp đòi hỏi.”

Martin Luther King quan tâm đến cả khía cạnh đạo lý và thực tế của phản kháng phi bạo lực. Nhưng như [cuốn sách của Jonathan Rieder](#) về lá thư từ Birmingham cho thấy rất rõ, chủ nghĩa thực dụng của King cũng không nên bị đánh giá thấp.,

Rõ ràng là chúng ta cần hiểu nhiều hơn về phản kháng phi bạo lực. Đây là một hiện tượng đang lan rộng và nghiên cứu về chủ đề này cũng đang được mở rộng trong khoa học xã hội. Những người tìm cách đối đầu với sự đàn áp sẽ hưởng lợi từ các nghiên cứu có hệ thống hơn để biết được khi nào và làm thế nào bắt đầu đấu tranh phi bạo lực trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Những nhà hoạch định chính sách đang đối diện với những thách thức như sự trỗi dậy độc tài chuyên chế, sự bất ổn của thể chế hay chủ nghĩa cực đoan bạo lực có thể hưởng lợi từ việc hiểu hơn khi nào và vì sao các phong trào phi bạo lực thành công – và việc ủng hộ các phong trào phi bạo lực một cách hiệu quả nghĩa là thế nào.

Ở thập kỷ này – khi nhiều người đang dùng đến phản kháng phi bạo lực hơn bao giờ hết – các học giả và những người thực hành đều hưởng lợi từ việc tham khảo trí tuệ của Mahatma Gandhi và Martin Luther King về cả nguyên tắc lẫn thực hành để tạo dựng con đường phía trước.

Erica Chenoweth là giáo sư tại trường Josef Korbel về Nghiên cứu quốc tế tại Đại học Denver. Bà cùng lập blog [Political Violence @ a Glance](#) và thỉnh thoảng viết blog trên trang [The Monkey Cage](#). [Maria J. Stephan](#) là nghiên cứu viên cao cấp tại Viện Hòa Bình Hoa Kỳ và là nghiên cứu viên cao cấp không thường trú của Ủy ban Atlantic.